

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Công điện số 33/CD-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông

tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử / chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Chương trình hành động số 921/UBND-CTHD ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2025.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Gia Lai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông(báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Rah Lan Chung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024

Triển khai Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược Quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ) và các chỉ đạo khác của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; tỉnh Gia Lai đã ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ và mục tiêu để triển khai thực hiện.

Kết quả đạt được của các mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng về chuyển đổi số của tỉnh đến hết năm 2024: *Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.*

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương.

a) Kết quả đạt được:

- Theo chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai là đã được kiện toàn với Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, 01 đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Phó Ban Chỉ đạo, phụ trách lĩnh vực Chuyển đổi số. Do đó, hoạt động chuyển đổi số tại tỉnh Gia Lai hiện đang nhận được sự quan tâm rất lớn từ lãnh đạo tỉnh; các văn bản chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số từ Chính phủ, hướng dẫn từ Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời. Các thành viên Ban Chỉ đạo theo nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tham mưu các chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng đô thị thông minh. Các đơn vị, địa phương cũng thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị để chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số.

- Năm 2024, Ban Chỉ đạo đã thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2023 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và thẩm định, đánh giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023 của các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh.

- Thực hiện Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2024; Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2024 (*Kế hoạch số 76/KH-BCĐCĐS ngày 31/5/2024*); trong đó đặt ra các mục tiêu tương ứng và phân công, giao từng chỉ tiêu và từng nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh để theo dõi và chỉ đạo thực hiện. Đồng thời, đã thực hiện lồng ghép việc kiểm tra trong các nội dung về cải cách hành chính của tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: Sự tham gia, chủ động đề xuất, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi của một số sở, ban, ngành, địa phương còn chưa thật sự tích cực. Lãnh đạo một số đơn vị chưa xác định đúng trách nhiệm của mình trong việc triển khai chuyển đổi số ngành, lĩnh vực mình phụ trách mà coi việc chuyển đổi số là trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, là nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin, nên công tác chỉ đạo, triển khai chưa quyết liệt.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành **14** văn bản quan trọng theo chỉ đạo của Trung ương để triển khai đầy đủ các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh⁽¹⁾.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 95/2024/NQ-HĐND ngày 04/11/2024 về quy định thẩm quyền quyết định việc

⁽¹⁾ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 về ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024; Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 10/11/2024 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025; Kế hoạch số 687/KH-UBND ngày 27/3/2024 về thực hiện đề án “kiến tạo tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 76/KH-BCĐCĐS ngày 31/5/2024 về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 về phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chuyển đổi số các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023; Kế hoạch số 1896/KH-UBND ngày 08/8/2024 về việc triển khai Chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Chiến lược AI ứng dụng) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn số 221/UBND-KGVX ngày 29/01/2024 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 04/TB-VPCP ngày 08/01/2024 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 249/UBND-KGVX ngày 31/01/2024 về việc tăng cường hiệu quả quản lý, triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước; Công văn số 388/UBND-KGVX ngày 22/02/2024 về việc tăng cường triển khai công tác bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Công văn số 578/UBND-KGVX ngày 14/3/2024 về việc triển khai Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 2090/UBND-KGVX ngày 09/9/2024 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 344/TB-VPCP ngày 24/7/2024, Thông báo số 369/TB-VPCP ngày 09/8/2024 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 1340/UBND-KGVX ngày 05/6/2024 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 203/TB-VPCP ngày 06/5/2024 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 2802/UBND-KGVX ngày 26/11/2024 về việc triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của thủ tướng chính phủ; Công văn số 2645/UBND-KGVX ngày 11/11/2024 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 434/TB-VPCP ngày 25/9/2024 của Văn phòng Chính phủ.

đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Hoạt động rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch thực hiện theo mất khá nhiều thời gian; các kế hoạch, chương trình liên quan đến nhiều ngành, địa phương, đơn vị, nội dung và phải làm rõ các nguồn lực thực hiện...do vậy cần phối hợp nhiều ngành, địa phương, nên cần nhiều thời gian; một số chỉ tiêu, yêu cầu (theo hướng dẫn) dựa trên mặt bằng chung của cả nước nên chưa phù hợp với thực tế địa phương; thời gian triển khai chưa đủ để đánh giá hiệu quả thực hiện theo các yêu cầu báo cáo của cấp trên.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại các văn bản, các đơn vị, địa phương đã tổ chức thực hiện theo chỉ đạo. Hàng tháng, Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực chuyển đổi số đồng thời là Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh yêu cầu báo cáo tiến độ thực hiện hoặc tổ chức họp để nghe các thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số, các sở, ngành báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra tại các Kế hoạch đã ban hành.

- Trong năm, tỉnh đã tổ chức các Hội nghị trực tuyến sơ kết về chuyển đổi số (tổ chức các hội nghị kết hợp các nội dung về cải cách hành chính, triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh) để đánh giá kết quả thực hiện, xác định các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thực hiện.

3. Hạ tầng số:

a) Kết quả đạt được:

- Mạng lưới truyền dẫn cáp quang đến vùng sâu, vùng xa; phủ sóng (3G, 4G) đến 100% thôn, làng; kết nối cáp quang đến trung tâm các xã; phủ băng rộng cố định (cáp quang) đến 1.525/1.577 thôn, làng, tổ dân phố, đạt 96,7%.

- Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu (tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai) cung cấp hạ tầng kỹ thuật vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được duy trì hoạt động thường xuyên. Năm 2025, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ triển khai điện toán đám mây và phát triển hạ tầng theo hướng thuê dịch vụ Trung tâm dữ liệu tỉnh để đảm bảo phù hợp với chỉ đạo, định hướng của Trung ương.

- Hiện nay, 100% cơ quan hành chính nhà nước có mạng nội bộ, kết nối mạng diện rộng (WAN) và Internet băng thông rộng. Hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ tại 100% xã thuộc tỉnh; 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 3G, 4G các đến thôn, làng; mở rộng mạng lưới cáp quang đến trung tâm 100% xã, 1.472/1.576 thôn, làng, tổ dân phố, đạt 93,4%. Tỉnh Gia Lai đã hoàn thành đăng ký địa chỉ

IPv6 và số hiệu mạng (ASN) cho hệ thống thông tin của tỉnh, trong đó có Cổng Thông tin điện tử, Công Dịch vụ công của tỉnh.

- Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh đã triển khai đồng bộ từ tỉnh đến tất cả Ủy ban nhân dân cấp xã: Triển khai tại 255 điểm cầu Hội nghị truyền hình (Tỉnh ủy Gia Lai; Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; các Huyện ủy; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã).

b) Tồn tại, hạn chế: Địa bàn của tỉnh Gia Lai rộng, dân cư phân bố không đồng đều, nhiều vùng là miền núi, vùng sâu, vùng xa nên việc phát triển hạ tầng viễn thông, phủ sóng di động băng rộng còn khó khăn.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- Trong năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông) tổ chức tại Gia Lai lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực về bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm về an toàn thông tin, cán bộ triển khai, vận hành hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị không chuyên trách công nghệ thông tin/an toàn thông tin thuộc các tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Bình Định (diễn ra từ ngày 21-22/8/2024 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai); phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia tổ chức chương trình bồi dưỡng, tập huấn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2024 (diễn ra ngày 12/9/2024, trực tiếp tại huyện Krông Pa, đồng thời trực tuyến đến các điểm cấp huyện, xã của tỉnh).

- Số lượng cán bộ học viên của tỉnh đã và đang tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MobiEdu) theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2456/BTTTT-CĐSQG ngày 24/6/2024 về việc tiếp tục triển khai bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2024 đến thời điểm hiện tại là 970 người tham gia.

- Tổ chức thành công Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai lần thứ XXIII, năm 2024. Hội thi Tin học khối cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Gia Lai năm 2024.

b) Tồn tại, hạn chế: Nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin của tỉnh còn yếu và thiếu; chưa có chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin (là nhân lực tham mưu thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; nhân sự về công nghệ thông tin của các đơn vị, địa phương liên tục có biến động; chưa có chính sách để hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Tỉnh Gia Lai đã đăng ký triển khai các khoá bồi dưỡng về chuyển đổi số cho người dân (trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà), tuy nhiên vẫn chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai cho tỉnh.

5. Dữ liệu số:

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai (*Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/11/2023*).

- Các sở, ban, ngành tiếp tục triển khai, ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động (Người tìm việc, việc tìm người) (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Cơ sở dữ liệu Quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin trợ giúp xã hội và giảm nghèo (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Cơ sở dữ liệu thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Cơ sở dữ liệu về giấy phép lái xe (GPLX) được đồng bộ dữ liệu về Cục Đường bộ Việt Nam quản lý và công khai thông tin trên trang thông tin giấy phép lái xe (<https://gplx.gov.vn>) và thực hiện dịch vụ công toàn trình về đổi GPLX trên cổng dịch vụ công quốc gia; duy trì Cơ sở dữ liệu thông tin ngành GTVT dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Triển khai thử nghiệm hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) Quản lý cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông (VNPT) phát triển. Triển khai cập nhật vào cơ sở dữ liệu để tích hợp dữ liệu CBCCVC của tỉnh vào cơ sở dữ liệu Quốc gia. Đến thời điểm hiện tại 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Sở Công Thương đã triển khai, duy trì các hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ quản lý hành chính và thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia được Trung ương đầu tư, xây dựng (Cơ sở dữ liệu Công nghiệp và Thương mại, Bản đồ trực tuyến hệ thống phân phối hàng Việt trên địa bàn tỉnh, các sàn giao dịch thương mại điện tử, Cổng thông tin thị trường nước ngoài...); thử nghiệm Cơ sở dữ liệu Công nghiệp và Thương mại tỉnh Gia Lai tại địa chỉ: <http://csdlcntmgialai.gov.vn>; bản đồ trực tuyến hệ thống phân phối hàng Việt trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ <http://bandohangvietgialai.vn> phục vụ nhu cầu cung cấp thông tin cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng hàng Việt của doanh nghiệp và người dân. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã khai thác sử dụng các phần mềm do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai (Hệ thống quản lý thông tin chuyên ngành Nông nghiệp; phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất; cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai; cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng); cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử

lý môi trường nuôi trồng thủy sản; ...). Sở Khoa học và Công nghệ đưa Cổng thông tin cơ sở dữ liệu KH&CN Gia Lai vào hoạt động tại địa chỉ <https://vista.gialai.gov.vn>.

- Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh đã được triển khai và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Cổng dịch vụ công của tỉnh với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Tồn tại, hạn chế: Nhiều cơ sở dữ liệu của các ngành theo cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai vẫn chưa được xây dựng; tỉnh chưa xây dựng được Kho dữ liệu dùng chung, Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, Cổng dữ liệu mở.

6. An toàn, an ninh thông tin mạng:

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; 100% (46/46) hệ thống thông tin thuộc tỉnh đã phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ đạt; 84,8% (39/46) hệ thống thông tin thuộc tỉnh đã triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn thông tin; các đơn vị địa phương đang thực hiện rà soát, tiếp tục hoàn thành phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin thuộc tỉnh, thực hiện rà soát dấu hiệu của các chiến dịch tấn công có chủ đích (APT). Thường xuyên khai thác Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và duy trì kết nối giám sát của hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (tại Trung tâm dữ liệu) với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thường xuyên được rà soát; các đơn vị, địa phương tăng cường triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm lợi dụng mạng viễn thông, Internet thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới thông tin trong dịp lễ, tết, sự kiện lớn, quan trọng của tỉnh của đất nước.

- Tỉnh đã xây dựng lực lượng tại chỗ, duy trì hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Cử công chức viên chức thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tham gia các khóa đào tạo về an toàn thông tin trong khuôn khổ Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” (theo Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ) do Cục An toàn thông tin triệu tập. Các thành viên Đội Ứng cứu sự cố ATTT mạng tỉnh cũng tham gia các đợt diễn tập thực chiến quốc tế APCERT, diễn tập quốc tế ACID do Cục An toàn thông tin tổ chức cho Mạng lưới ứng cứu sự cố ATTT mạng quốc gia. Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông trong nhiều năm tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm B (nhóm Khá) về an toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế: Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng tỉnh Gia Lai đều là cán bộ, công chức phụ trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương nên khối lượng công việc kiêm nhiệm khá nhiều, khó bố trí thời gian

tham gia được các đợt diễn tập, tập huấn một cách hiệu quả nhất.

7. Chính phủ số:

a) Kết quả đạt được:

- Tất cả thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh được công khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh; trong đó có 1.608 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình, 111 TTHC cung cấp DVCTT một phần, đã tích hợp được 640 DVCTT lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công cũng được triển khai thử nghiệm trợ lý ảo giúp tra cứu, giải đáp thắc mắc các thủ tục hành chính công của tỉnh. Tới thời điểm hiện tại, số hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận và giải quyết là 222.249 hồ sơ trực tuyến; đạt tỷ lệ 42,16% hồ sơ trực tuyến/Tổng số hồ sơ phát sinh (=222.249/527.139).

- Các sở, ban, ngành ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP)⁽²⁾. Ngoài ra, một số sở, ngành, đơn vị của tỉnh đã xây dựng và đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu phục vụ chuyên môn⁽³⁾.

- Các nhiệm vụ theo Đề án „Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh” tiếp tục được triển khai; Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku đã đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành và cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh (như: Phản ánh hiện trường, giám sát trật tự đô thị, giám sát giao thông,...) bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai các phòng học thông minh. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh (tại địa chỉ: <https://gialaitourism.vn> và thông qua ứng dụng “Du lịch Gia Lai”).

- Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh⁽⁴⁾; thường xuyên duy trì Hệ thống tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh phục vụ kết nối các nền tảng dùng chung của tỉnh và các bộ, ngành Trung ương; và các nền tảng phục vụ Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Viễn thông Gia Lai triển khai và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai của VNPT triển khai từ ngày 01/7/2024. Theo kế hoạch dự kiến, thời gian triển khai thử nghiệm (do VNPT hỗ trợ) đến hết tháng 12 năm 2024.

- Phối hợp với VNPT Gia Lai triển khai thử nghiệm Cổng dữ liệu mở tại địa chỉ: <https://opendata.gialai.gov.vn> đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy

⁽²⁾ Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được nêu tại mục 5. Dữ liệu số

⁽³⁾ Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước; CSDL giá (Sở Tài chính); hệ thống thông tin và CSDL công tác dân tộc (Ban Dân tộc); Cổng thông tin và CSDL ngành Du lịch, CSDL tên đường (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch); CSDL giáo dục và đào tạo; CSDL tài nguyên và môi trường;...

⁽⁴⁾ Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; phần mềm Quản lý giao việc, phần mềm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với cán bộ, công chức và các cơ quan hành chính; Hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh,...

định của Bộ Thông tin và Truyền thông; và phối hợp triển khai thử nghiệm hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC).

- Nhằm đẩy mạnh việc số hoá, tái sử dụng các kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), tỉnh đã triển khai, đưa Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai vào hoạt động. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị đang triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng; đồng thời đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép sử dụng thử nghiệm Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2024 là năm đầu tiên, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá chất lượng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Gia Lai đạt mức E (đánh giá là đôi với hệ thống cũ).

b) Tồn tại, hạn chế: Một số hệ thống phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh do xây dựng đã lâu, triển khai phân tán tại nhiều đơn vị, địa phương, công nghệ lạc hậu, tần suất, số lượng đơn vị sử dụng ngày càng nhiều...nên đôi lúc làm gián đoạn việc xử lý hồ sơ trên mạng, gây khó khăn trong việc đồng bộ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia theo thời gian thực trên môi trường điện tử...; quy định về thành phần hồ sơ thủ tục hành chính cần số hóa của tỉnh chưa được ban hành làm ảnh hưởng đến công tác số hóa; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến chưa cao.

8. Kinh tế số và Xã hội số:

a) Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1.000 dân dưới 0,3; tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin) chiếm 1,82% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tỷ lệ doanh nghiệp nền tảng số chiếm 0,93%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số chiếm 67,41%; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử chiếm 8,15%; tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100% (*Số liệu do Bộ Thông tin và Truyền thông thống kê*).

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ ước đạt 8,5%; hơn 20% các doanh nghiệp có giao dịch thương mại điện tử; 100% doanh nghiệp của tỉnh đã thực hiện khai thuế điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử; 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm, các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông cơ sở phân phối hiện đại chấp nhận thanh toán không dùng

tiền mặt phục vụ người tiêu dùng; tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại đạt 94,43 thuê bao/100 dân; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 73%; tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định đạt 10,38 thuê bao/100 dân; tỷ lệ hộ gia đình có băng rộng cố định đạt 70%; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 67,83 thuê bao/100 dân; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 77,89%; tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động, thiết bị thông minh đạt khoảng 77,9% dân số trưởng thành; tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt khoảng 12,2%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp tài khoản định danh, xác thực điện tử (VNeID) 73,70% (930.844/1.262.975); tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản VNeID 58,3% (763.418/1.262.975); tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt khoảng 68%; tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản DVCTT đạt 4,76% (60.117/1.262.975).

b) Tồn tại, hạn chế:

- Các giải pháp huy động sự tham gia của các doanh nghiệp còn chưa hiệu quả; chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia, nên việc triển khai các chương trình về hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nhiều hạn chế.

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại tỉnh rất ít, chủ yếu kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; chưa có doanh nghiệp công nghệ số đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia, thúc đẩy chuyển đổi số của địa phương. Hoạt động chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng điện thoại, thiết bị thông minh, chữ ký điện tử còn thấp.

- Nhiều số liệu thống kê thuộc Kinh tế số, Xã hội số chưa có phương pháp và cách thức để thống kê (như Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx; Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng nền tảng chuyển đổi số; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, doanh nghiệp có đủ điều kiện sử dụng hợp đồng điện tử). Do vậy, các con số đưa ra chỉ là ước tính không chính thức nên số liệu đều do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp; do đó, việc đánh giá đối với từng địa phương của tỉnh không có cơ sở thu thập; trong khi đó mặt bằng chung về trình độ công nghệ thông tin của người dân còn thấp; thói quen và điều kiện hoạt động trên môi trường số của người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn có khoảng cách lớn so với khu vực đô thị.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông cùng tổ chức Hội thảo *Sản phẩm, giải pháp công nghệ số Make in Viet Nam - Động lực cho thúc đẩy lĩnh vực ưu tiên phát triển tại địa phương*.

- Hướng ứng ngày Chuyển đổi số, tại huyện Krông Pa (tỉnh Gia Lai), Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức chương trình bồi dưỡng, tập huấn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng (Chương trình tổ chức theo hình thức trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa kết hợp trực tuyến tại Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh). Qua đó, giới thiệu về chuyển đổi số, tổng quan, chia sẻ các câu chuyện đã triển khai và câu chuyện thực tế tại địa phương của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên; căn cước điện tử và những tiện ích của ứng dụng VneID; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, giới thiệu chữ ký số của VNPT; mua sắm trực tuyến, thanh toán trực tuyến, hợp đồng điện tử, chính sách hỗ trợ của Viettel về chữ ký số, nâng cấp điện thoại 2G lên 4G; giới thiệu một số khóa học miễn phí trên nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà MOOC, một số nền tảng của Mobifone; tuyên truyền lộ trình dùng công nghệ 2G, ứng dụng i-speed; giới thiệu một số video, clip về lừa đảo trực tuyến, cảnh nang nhận diện và phòng chống lừa đảo trực tuyến. Sau tập huấn, các đơn vị đã tổ chức ra quân tuyên truyền, hướng dẫn người dân tại huyện Krông Pa ứng dụng chữ ký số cá nhân, thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi điện thoại 2G lên 4G miễn phí tại xã có điều kiện khó khăn; thanh toán không dùng tiền mặt...

- Triển khai hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3240/BTTTT-CĐSQG ngày 08/8/2024 về việc thúc đẩy hoạt động của Tổ CNSCĐ; nhằm khuyến khích, phát huy hiệu quả, đẩy mạnh hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai đã đề xuất thành viên Tổ CNSCĐ tiêu biểu tham gia Tọa đàm của Thủ tướng Chính phủ tổ chức vào ngày 10/10/2024.

- Các doanh nghiệp viễn thông (Mobifone, VNPT, Viettel) triển khai tuyên truyền và tổ chức chương trình đổi điện thoại 2G lên 4G miễn phí tại xã có điều kiện khó khăn; đến hết ngày 17/10/2024, Viettel Gia Lai đã tặng 12.851 máy điện thoại featurephone 4G/ tổng số 17.570 thuê bao đang sử dụng máy điện thoại 2G Only của Viettel Gia Lai tại 17 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Gia Lai; VNPT Gia Lai đã tặng 200 máy 4G cho khách hàng đang sử dụng thuê bao.

- Sở Công Thương đã phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương) tổ chức Hội nghị “Thúc đẩy liên kết vùng trong thương mại điện tử các tỉnh vùng Tây Nguyên”, với sự tham gia của gần 200 đại biểu từ các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong và ngoài tỉnh. Tổ chức lễ ra mắt tuyến phố thanh toán không dùng tiền mặt (triển khai trên đường Hai Bà Trưng - TP.Pleiku, đoạn từ ngã tư Hoàng Văn Thụ - Hai Bà Trưng đến ngã tư Lý Thái Tổ - Hai Bà Trưng và Trung tâm thương mại Pleiku) với sự tham gia của 50 công ty và cửa hàng kinh doanh; tổ chức phiên livestream bán hàng nông sản tỉnh Gia Lai năm 2024. Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Công ty TNHH TM&DV VPS tổ chức Hội thảo “Gia Lai trong thời kỳ Chuyển đổi số: Nâng cao năng lực và bảo mật thông tin” trên địa bàn tỉnh Gia Lai...

b) Tồn tại, hạn chế: Nhiều đơn vị, địa phương chưa có các hoạt động tuyên truyền, phát động hướng ứng Ngày Chuyển đổi số hiệu quả; chưa phát huy hết được vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền.

10. Kinh phí thực hiện:

Các đơn vị, địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã quan tâm bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số năm 2024. Việc sử dụng kinh phí để đầu tư triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công điện số 33/CD-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định

hướng đến năm 2030;

- *Chương trình hành động số 921/ UBND-CTHD ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;*

- *Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025;*

- *Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai;*

- *Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;*

- *Kế hoạch số 1901/KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

- *Kế hoạch số 1609/KH-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;*

- *Kế hoạch số 665/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Tổ chức triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

- *Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia”;*

- *Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai "Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia”;*

- *Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

- Kế hoạch 1331/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Gia Lai về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 2575/KH-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phát triển hạ tầng số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2023 và các năm tiếp theo;

- Kế hoạch số 1896/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai Chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Chiến lược AI ứng dụng) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025;

- Công văn số Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Bám sát quan điểm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan; quyết tâm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và Đề án 06/CP và các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương đã đề ra đến năm 2025.

- Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kế hoạch, Kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số giai đoạn 2024-2025, các phiên họp toàn thể, chuyên đề của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, Tổ công tác Đề án 06/CP.

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng thật những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Gắn kết chặt chẽ với hoạt động cải cách quy trình, thủ tục hành chính, hiện đại hóa hoạt động hành chính của cơ quan nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

Một số chỉ tiêu cơ bản, phấn đấu thực hiện đến hết năm 2025 kèm theo tại *Phụ lục 02*.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Trong năm 2025, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp, các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của giai đoạn đã đề ra; định kỳ hằng quý hoặc đột xuất báo cáo tiến độ thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, địa phương. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị tham mưu, đề xuất tổ chức các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể, các cuộc họp cần xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chiến lược, chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương thúc đẩy chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các chính sách phát triển, thu hút nhân lực, hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Nâng cấp Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0.

- Các đơn vị, địa phương rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính của tỉnh theo các chỉ đạo mới nhất của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về triển khai chuyển đổi số; tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản theo phân công nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 02/11/2023 về Nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách về chuyển đổi số.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số

1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử và Kế hoạch số 3432/KH-UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tập trung rà soát, đề xuất sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử.

3. Hạ tầng số:

- Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh; tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh. Duy trì vận hành thường xuyên Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử - chuyển đổi số tỉnh Gia Lai, bao gồm: Thuê dịch vụ Cổng thông tin Chuyển đổi số và Hệ thống Đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số DTI; Thuê dịch vụ Trung tâm dữ liệu điện toán đám mây và các dịch vụ liên quan; Thuê dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung; triển khai Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai; các ứng dụng, nền tảng hạ tầng phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực...

- Duy trì, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị họp trực tuyến của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và tiếp tục triển khai các phòng họp trực tuyến cho các đơn vị cấp tỉnh nhằm mở rộng, hoàn thiện hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh; hiện đại hoá công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng di động đảm bảo chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phủ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng băng rộng (di động, cố định) hướng tới phổ cập với băng thông rộng, tốc độ cao; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để thực hiện xóa vùng lùm sóng di động băng rộng, chưa có băng rộng cố định tại các địa phương, phần đầu 100% các thôn, bản đang lùm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng; triển khai cung cấp dịch vụ di

động 5G, trong đó tập trung triển khai phủ sóng tại các khu vực thành thị, khu công nghệ cao,... khi các doanh nghiệp triển khai thương mại hóa dịch vụ 5G.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai, hỗ trợ, hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số,...).

4. Nhân lực số:

- Tiếp tục duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về ATTT; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Tiếp tục triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người dân, công đồng, doanh nghiệp để khai thác sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đẩy mạnh hoạt động, phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng; tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức cho CBCCVN, người dân và doanh nghiệp về lợi ích, hiệu quả đem lại của chuyển đổi số.

- Tham gia các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

5. Dữ liệu số:

- Triển khai thuê dịch vụ Kho dữ liệu số dùng chung và Nền tảng phân tích dữ liệu tỉnh Gia Lai; thuê dịch vụ Cổng dữ liệu mở.

- Tăng cường số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ban hành quy định về thành phần hồ sơ thủ tục hành chính số hóa.

- Duy trì hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ kết nối các nền tảng, CSDL dùng chung của tỉnh và các bộ, ngành Trung ương.

- Triển khai nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính và các ứng dụng, hệ thống thông tin triển khai các nhiệm vụ theo Đề án “Phát triển ứng

dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, cập nhật dữ liệu và phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin địa lý (GIS) một số ngành, lĩnh vực đã được xây dựng.

- Mở rộng kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia với các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh Gia Lai thông qua Hệ thống tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

- Tiếp tục triển khai, xây dựng CSDL đất đai của tỉnh (thuộc CSDL quốc gia về Đất đai); duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu theo Danh mục dung chung, cơ sở dữ liệu ngành, dữ liệu mở đã được phê duyệt, như: cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức; cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực... Tiếp tục triển khai, sử dụng các phần mềm do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng (Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0) phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Phát triển các cơ sở dữ liệu của ngành: CSDL về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai; CSDL quản lý chất lượng an toàn thực phẩm; CSDL phục vụ phân tích và dự báo thị trường nông sản; cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp nhằm theo dõi diễn biến rừng).

6. An toàn thông tin mạng:

- Triển khai rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề

xuất cấp độ được phê duyệt. Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin

theo hướng dẫn của tại Văn bản 2765/BTTTT-CĐSQG ngày 05/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, đặc biệt là nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia, phấn đấu đảm bảo mục tiêu 100% hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức được tổ chức bảo đảm an toàn thông tin thực chất, toàn diện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên, khuyến nghị tổ chức giám sát, bảo vệ đầy đủ các lớp: lớp mạng, lớp ứng dụng, lớp cơ sở dữ liệu, lớp thiết bị đầu cuối.

- Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng trong năm 2025,

trong đó, đảm bảo có tổ chức diễn tập thực chiến cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên; triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và nâng cao năng lực của đội ứng cứu sự cố (Quyết định số 2029/QĐ- BTTTT ngày 23/10/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Mô hình đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng”).

- Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ, đặc biệt là đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp).

- Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến "offline" theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Với chiến lược sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: có ít nhất 03 bản sao dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến “offline” (sử dụng tape/USB/ổ cứng di động,...). Dữ liệu sao lưu offline phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ.

- Đầu tư thiết bị và bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu dữ liệu cho các sở, ban, ngành của tỉnh.

7. Chính quyền số:

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn các bộ, ngành, địa phương, phấn đấu trung bình đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình.

- Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số:

- Phát triển các nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương để đưa các hoạt động chỉ đạo, điều hành

phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường số, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp dựa trên dữ liệu, trực tuyến. Bao gồm các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo chương trình chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistic, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất, lao động việc làm, an sinh xã hội, xuất nhập cảnh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, quản lý di sản, văn hóa,...

- Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; kết nối, tích hợp với các hệ thống do Văn phòng Chính phủ triển khai để phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các ngành, địa phương.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức, giải quyết thủ tục hành chính:

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Tiếp tục ứng dụng, tích hợp Trợ lý ảo với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ: phổ cập định danh số; thanh toán điện tử; hóa đơn điện tử; chữ ký số và chứng thực chữ ký số,... trong các ngành, lĩnh vực của đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp: hỗ trợ các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử: Hỗ trợ chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hoá và chợ truyền thống; các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số; hình thành liên kết, chuỗi cung ứng số hoá toàn trình từ khâu phân phối hàng hoá, quản lý kho hàng đến quản trị kinh doanh, thương mại trên các kênh số; triển khai triệt để giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách; ưu tiên phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng chuyển đổi số lĩnh vực bán buôn, bán lẻ.

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp: chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mang lại năng suất và giá trị kinh tế cao; tăng cường kết nối ứng dụng công nghệ số giữa các hợp tác xã với vùng trồng nông nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến và các kênh số tiêu thụ nông sản hình thành chuỗi sản xuất nông nghiệp số toàn trình từ khâu sản xuất đến phân phối, tiêu thụ sản phẩm; hình thành chuỗi cung ứng nông nghiệp và truy xuất nguồn gốc nông sản toàn trình từ lúc nuôi trồng cho đến khi tới tay người tiêu dùng; triển khai, xây

dựng các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp và các kịch bản sử dụng dữ liệu.

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch: Phát triển kinh tế số du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú, các danh lam thắng cảnh, các khu du lịch, khu vui chơi, giải trí, các khu bảo tồn di sản văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; thông qua một nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch dùng chung, có số liệu thống kê chính xác, theo thời gian thực về số lượng khách du lịch đến và lưu trú trên địa bàn tỉnh mình; tổ chức thực hiện việc thu thập, số hóa, hình thành kho dữ liệu và thư viện số cho văn hóa, nghệ thuật của dân tộc, các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia...

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực logistics: Mở rộng dịch vụ thu phí, giá và tiền dịch vụ khác liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện đường bộ thông qua tài khoản giao thông để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Phát triển kinh tế số gắn liền tài chính, ngân hàng: Ứng dụng dữ liệu để nâng cao năng lực chống rủi ro tài chính, thúc đẩy phát triển tài chính số, thúc đẩy chia sẻ và lưu thông hiệu quả dữ liệu tín dụng tài chính, dữ liệu tín dụng công và dữ liệu tín dụng thương mại trên cơ sở tuân thủ và an toàn pháp lý; hỗ trợ chia sẻ dữ liệu kiểm soát rủi ro giữa các bên tổ chức tài chính và tích hợp phân tích tài chính dữ liệu đa chiều như: thị trường, tài sản tín dụng, xác minh rủi ro,...

- Phát triển kinh tế số gắn liền với tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững: Tổ chức triển khai việc số hóa, phát triển kho dữ liệu lớn và các kịch bản sử dụng dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (*thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số*) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (*cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...*) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương. Tuyên truyền, phát huy vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng. Khuyến khích triển khai các hoạt động, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; gắn kết, đồng bộ với các tiêu chí đánh giá về cải cách hành chính.

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, đo lường bằng các công cụ, phương tiện trực tuyến; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý (tối thiểu 01 lần/02 năm đối với hệ thống cấp độ 1, cấp độ 2; 01 lần/năm đối với hệ thống thông tin cấp độ 3, cấp độ 4; 01 lần/06 tháng đối với hệ thống thông tin cấp độ 5). Rà soát danh sách các webiste (gialai.gov.vn) bao gồm cả các subdomain để tiến hành đánh giá an toàn thông tin định kỳ và triển khai gắn nhãn tín nhiệm mạng cho các website; rà soát, cảnh báo an toàn thông tin mạng, lộ lọt thông tin cá nhân.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp; gắn kết với cải cách hành chính; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

- Người đứng đầu chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị mình; đẩy mạnh thanh toán điện tử tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển. Lấy việc triển khai, kết quả thực hiện Nghị quyết 04/NQ-TU, Chương trình hành động số 921/CTHĐ-UBND là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu chính quyền các cấp.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp

- Triển khai các chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp. Duy trì, phát triển các chuyên trang, chuyên mục chuyển đổi số trên các kênh truyền thông, cơ quan báo chí. Tiếp tục triển khai các hoạt động như: Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo; công/ trang thông tin điện tử để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch,...

- Tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trong đó chú trọng kiện toàn, bổ sung đầy đủ nhân lực thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển nhu dữ liệu, bán dẫn,

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nâng cao năng lực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực công nghệ thông tin của tỉnh để tiếp nhận chuyển giao công nghệ, các sản phẩm phục vụ chuyển đổi số; từng bước làm chủ công nghệ để phát triển các sản phẩm, cung ứng dịch vụ số phục vụ phát triển của tỉnh.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả. Hằng năm, ưu tiên bố trí 1% tỷ lệ chi ngân sách nhà nước các cấp (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) cho chuyển đổi số.

- Các đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện có trách nhiệm đánh giá về hiện trạng, xây dựng dự toán kinh phí phù hợp với các nhiệm vụ cụ thể ở Kế hoạch này và tổ chức triển khai theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Tăng cường các hình thức thuê dịch vụ, hợp tác công - tư, vận dụng kết hợp các nguồn lực của xã hội...

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức

- Tăng cường phối hợp, tranh thủ sự hỗ trợ, hướng dẫn về chuyên môn, nguồn lực từ các cơ quan Trung ương, các đơn vị chuyên môn về chuyển đổi số của các Bộ ngành...

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số có kinh nghiệm, năng lực. Phát huy, triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác mà tỉnh đã ký kết với các tập đoàn, doanh nghiệp để tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ.

- Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp; bao gồm các hoạt động như: phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai

Chủ trì chỉ đạo, theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai Kế hoạch này; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chủ trương, chính sách, kế hoạch

thúc đẩy xây dựng, phát triển cho chuyển đổi số; tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

3. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, cung cấp hàng hoá, đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử.

4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Gia Lai:

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

5. Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Chủ động rà soát, bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số trong năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 30 tháng cuối quý*) báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp).

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

6. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

- Chủ động phối hợp, hỗ trợ, triển khai các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN: Chi tiết các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục 04, Phụ lục 05 kèm theo.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2025; yêu cầu các

sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định. Trong trường hợp các nhiệm vụ được giao cho các cơ quan, đơn vị có sự thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thì các cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này./.

PHỤ LỤC 01:**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU QUAN TRỌNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Mục tiêu năm 2024	Kết quả đạt được hiện nay	Ghi chú
1	Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	40%	4,76%	
2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	80%	44,71%	Tỉnh đang triển khai hệ thống của VNPT từ ngày 01/7/2024
3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	45%	36,78%	
4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	50%	44,13%	
5	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	80%	51,69%	Tỉnh đang triển khai hệ thống của VNPT từ ngày 01/7/2024; hệ thống số hóa kết quả giải quyết TTHC được tập huấn xong ngày 23/5/2024

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Mục tiêu năm 2024	Kết quả đạt được hiện nay	Ghi chú
6	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	100%	88,45%	
7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		100%	100%	Hoàn thành mục tiêu
8	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	70%	77,90%	Hoàn thành mục tiêu
9	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	60%	70%	Hoàn thành mục tiêu
10	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản VNeID	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	60%	58,30%	

PHỤ LỤC 02:**CÁC CHỈ TIÊU QUAN TRỌNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN HẾT NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp/ theo dõi
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 95%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở TT&TT
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở TT&TT
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở TT&TT
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở TT&TT
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
7	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Văn phòng UBND tỉnh	
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp bộ, tỉnh đạt 90%; cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở TT&TT
9	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP năm 2024 đạt tối thiểu 20%	Cục Thống kê	Sở Kế hoạch và Đầu tư

10	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%	Sở Công Thương	
11	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TT&TT
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ
13	100% các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ
14	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
15	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
16	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%	Sở Y tế	
17	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở TT&TT

PHỤ LỤC 03:**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ,
CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH GIA LAI - THỰC HIỆN NĂM 2024***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	Ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024	Nhằm đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố; Xây dựng phương án đối phó, ứng cứu đối với một số tình huống sự cố cụ thể cho cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	1,171	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Không sử dụng kinh phí bố trí trong năm 2024, vì các vướng mắc liên quan các quy định về thẩm quyền phê duyệt. Nhiệm vụ được các đơn vị hỗ trợ triển khai không dùng ngân sách nhà nước
2	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong các hoạt động đánh giá, kiểm tra, học tập và triển khai các nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh	Sở TT&TT	81.680	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
3	Thuê dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)	Tăng cường công giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở TT&TT	0.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Kinh phí bố trí trong năm 2024 không giải ngân được, vì các vướng mắc liên quan các quy định về thẩm quyền phê duyệt. Nhiệm vụ đang được các đơn vị hỗ trợ triển khai không dùng ngân sách nhà nước
4	Mua thiết bị thay thế thiết bị tường lửa cũ của Sở Thông tin và Truyền thông	Tăng cường an toàn an ninh thông tin cho hệ thống thông tin tại Sở TT&TT	Sở TT&TT	239.310	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang thực hiện đấu thầu mua sắm thiết bị

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
5	Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai	Quản lý các kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để phục vụ công dân, doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Sở TT&TT	1,965.058	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2023-2026	Đã triển khai thuê dịch vụ và đưa vào sử dụng
6	Kinh phí chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai)	Duy trì hoạt động 24/7 của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Sở TT&TT	5,740	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang triển khai
7	Dự án: Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số	Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai	Sở TT&TT	0		2021-2024	Dừng thực hiện; chuyển sang thuê dịch vụ CNTT
8	Thuê Dịch vụ Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai	Cung cấp thông tin thiết yếu và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	0		2024-2026	Không triển khai được vì vướng thẩm quyền phê duyệt gói thầu trên 200 triệu; chuyển sang năm 2025 Hiện triển khai thử nghiệm nên chưa sử dụng kinh phí
9	Đầu tư Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai	Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử dùng chung để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, liên thông giữa các cấp chính quyền. Phát triển mới Kho dữ liệu điện tử cá nhân, tổ chức. Kết nối, xác thực thông tin công dân với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh	Sở TT&TT	0		2024	Đang triển khai thử nghiệm hệ thống của VNPT theo chỉ đạo của UBND tỉnh
10	Mua sắm, sửa chữa thiết bị tin học; thuê đường truyền tại Sở Tài chính	Thay thế sửa chữa thường xuyên phục vụ vận hành các hệ thống thông tin ngành Tài chính	Sở Tài chính	200	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành; đang vận hành

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
11	Duy trì, vận hành Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Gia Lai	Duy trì, bảo dưỡng, sửa lỗi phần mềm, hỗ trợ người sử dụng khai thác, vận hành, bổ sung, thay thế biểu mẫu theo quy định mới	Sở Tài chính	0	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Không thực hiện được vì vướng thẩm quyền phê duyệt đối với gói thầu trên 200 triệu; chuyển sang năm 2025
12	Gia hạn bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm sao lưu dữ liệu tại Sở Tài chính	Tăng cường an toàn hệ thống thông tin Sở Tài chính	Sở Tài chính	90	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành; đang vận hành
13	Nâng cấp, đảm bảo an toàn thông tin Ban Quản lý Khu kinh tế	- Thay thế Tường lửa Sophos (hết hạn sử dụng); - Bản quyền phần mềm tường lửa; - Bản quyền phần mềm diệt virus Kaspersky; - Bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu Acronis Cyber Protect. - Bản quyền 3 năm	Ban Quản lý Khu kinh tế	335.775	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang đấu thầu
14	Thuê dịch vụ máy chủ vận hành phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của Sở Ngoại vụ	Duy trì hoạt động quản lý văn bản và điều hành trên môi trường số trong nội bộ Sở Ngoại vụ và trao đổi văn bản điện tử với các đơn vị trong và ngoài tỉnh	Sở Ngoại vụ	40	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
15	Bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa	Tăng cường an toàn hệ thống thông tin Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	45.5	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
16	Thuê đường truyền Mạng số liệu chuyên dùng (WAN)	Tăng cường an toàn cho hệ thống thông tin tại Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	43.5	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
17	Nâng cấp trang thông tin điện tử Sở Công Thương	Nâng cấp, bổ sung các tính năng, đảm bảo tính bảo mật; phục vụ cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp	Sở Công Thương	60	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
18	Nâng cấp, duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm sao lưu dữ liệu	- Thay thế Tường lửa Sophos (hết hạn sử dụng); - Bản quyền phần mềm tường lửa; - Bản quyền phần mềm diệt virus Kaspersky; - Bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu Acronis Cyber Protect.	Sở Công Thương	351.4	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang lắp đặt thiết bị

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
19	Kinh phí cho Thương mại điện tử địa phương	Phát triển Thương mại điện tử, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	1,498.10	Ngân sách địa phương	Năm 2024	Đã hoàn thành
20	Triển khai Hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu số ngành Công Thương	Hỗ trợ quản lý cơ sở dữ liệu ngành trên nền tảng số; số hóa, chuyển đổi phương thức quản lý dữ liệu trên môi trường điện tử; kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp	Sở Công Thương	0	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	Năm 2024	Triển khai thử nghiệm
21	Ứng dụng thương mại điện tử nâng cao năng lực cạnh tranh, quảng bá hỗ trợ, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm	Tổ chức phiên Livestream bán hàng “nông sản Gia Lai” trên nền tảng Tiktok shop, hỗ trợ nông sản Gia Lai đến gần hơn với người tiêu dùng trên cả nước, góp phần nâng cao giá trị và mở rộng thị trường tiêu thụ	Sở Công Thương	108.5	Ngân sách địa phương	Năm 2024	Đã hoàn thành
22	Kinh phí hoạt động Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong Xúc tiến thương mại	Đẩy mạnh Xúc tiến thương mại số, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	187	Ngân sách địa phương	Năm 2024	Đã hoàn thành
23	Các hội nghị tập huấn lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu liên quan	Lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số, ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp	Sở Công Thương	242	Ngân sách địa phương	Năm 2025	Đã hoàn thành
24	Gia hạn phần mềm thiết bị tường lửa; gia hạn phần mềm thiết bị sao lưu dữ liệu (Backup) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Đảm bảo an toàn thông tin cho các Hệ thống thông tin	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	93.74	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang thực hiện gói thầu
25	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Đầu tư trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật công nghệ tại Trung tâm Dịch vụ việc làm đảm bảo thực hiện tốt Sàn giao dịch việc làm trực tuyến. - Đầu tư nâng cấp bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm các yêu cầu quản trị, vận hành, lưu trữ dữ liệu và đảm bảo an toàn bảo mật của hệ thống sàn giao dịch việc làm. - Đầu tư thiết bị máy tính cho 17 huyện/thị xã/thành phố nhằm triển khai đồng bộ giao dịch việc làm trực tuyến trên toàn tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	16,682	Ngân sách TƯ và địa phương	2024-2025	Đang triển khai (Bổ sung so với Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024)

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
26	Dự án “Mua sắm hệ thống phòng họp trực tuyến tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai”	Phục vụ công tác chuyên môn của Sở KH&CN (phục vụ các cuộc họp trực tuyến với Bộ KH&CN và các đơn vị thuộc Bộ, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cuộc họp của Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, các cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, dự án...	Sở Khoa học và Công nghệ	632	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang lắp đặt, cài đặt
27	Hệ thống phòng họp trực tuyến	Tăng cường và mở rộng hình thức họp trực tuyến" trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 11/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Triển khai các giải pháp họp trực tuyến, các hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	562	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã thực hiện lựa chọn nhà thầu. Đang lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm
28	Hệ thống thư viện thông minh 4.0 và số hóa ấn phẩm, tài liệu tại Thư viện tỉnh	Chuẩn hoá, thống nhất, trao đổi - chia sẻ thông tin - tư liệu giữa các cơ quan thông tin - thư viện trong cả nước với nhau, nắm bắt xu thế phát triển của xã hội, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc. Lưu giữ và bảo quản nguồn tài liệu quý hiếm, tài liệu có giá trị nghiên cứu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	265	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024-2025	Thực hiện lấy ý kiến các sở; ngành có liên quan trước khi phê duyệt
29	Duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu	Tiếp tục duy trì bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus cho máy chủ và máy trạm, phần mềm sao lưu dữ liệu cho các máy chủ để hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	135	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã thực hiện lựa chọn nhà thầu. Đang lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm
30	Gia hạn bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa Sophos; phần mềm sao lưu dữ liệu Acronis Backup tại Ban Dân tộc	Tăng cường an toàn hệ thống thông tin của Ban Dân tộc	Ban Dân tộc	76.50	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
31	Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 10 về Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	1,191	Nguồn vốn sự nghiệp (NS TW) - Chương trình mục tiêu quốc gia	2024	Đã hoàn thành

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
32	Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc tỉnh Gia Lai	Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc tỉnh Gia Lai phục vụ công tác dân tộc	Ban Dân tộc	1,955	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang triển khai
33	Duy trì bản quyền phần mềm đảm bảo ATTT Hệ thống thông tin (Sophos SG 230, Acronis Backup) tại Thanh tra tỉnh	Đảm bảo an toàn hệ thống thông tin của đơn vị	Thanh tra tỉnh	76.5	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
34	Hệ thống CSDL quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Giai đoạn 2)	Xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ nhân sự đầy đủ, chính xác và cung cấp các chức năng quản lý cán bộ, công chức, viên chức một cách hiệu quả, đáp ứng tình hình quản lý cán bộ trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	0	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang được doanh nghiệp hỗ trợ triển khai, không sử dụng kinh phí
35	Thuê dịch vụ hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Gia Lai	Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Trung ương	Văn phòng UBND tỉnh	0	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024-2026	VNPT tiếp tục hỗ trợ miễn phí
36	Nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin tại trụ sở UBND tỉnh	Đầu tư hệ thống tivi cho phòng họp trực tuyến 3A; đầu tư ram và ổ cứng cho hệ thống máy chủ tại trụ sở UBND tỉnh; đầu tư thiết bị lưu trữ mạng NAS; gia hạn bản quyền thiết bị tường lửa (Firewall); sửa chữa bộ lưu điện UPS Santak True Online C10K-LCD	Văn phòng UBND tỉnh	503.50	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã ký Hợp đồng; dự kiến cuối tháng 12/2024 hoàn thành
37	Cải tạo và nâng cấp hệ thống mạng LAN trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT	Cải tạo và nâng cấp hệ thống mạng LAN trụ sở, bao gồm nâng cấp đường truyền, trang thiết bị mạng LAN	Sở Nông nghiệp và PTNT	86.73	Nguồn chi thường xuyên (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành (Bổ sung so với Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024)
38	Duy trì phần mềm bảo mật cho máy chủ, phần mềm sao lưu dữ liệu tại Sở Nông nghiệp và PTNT	Nâng cấp, bổ sung cơ sở hạ tầng kỹ thuật về bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng; thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm sao lưu dữ liệu	Sở Nông nghiệp và PTNT	160.64	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang triển khai (Đã thực hiện lựa chọn nhà thầu)

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
39	Triển khai thử nghiệm Hệ thống quản lý thông tin chuyên ngành Nông nghiệp	Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Sở, các huyện, thị xã, thành phố về việc cập nhập cơ sở dữ liệu, số liệu ngành Nông nghiệp và PTNT phục vụ triển khai thử nghiệm Hệ thống quản lý thông tin chuyên ngành Nông nghiệp theo chủ trương của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	0		2024	Đang triển khai thử nghiệm hệ thống của VNPT đến hết năm 2024
40	Triển khai sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất	Giúp các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lâm nghiệp ở địa phương tham khảo thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng,... đúng mùa vụ; chủ động các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của thời tiết, sâu bệnh hại. Phổ biến tới các tổ chức, cá nhân liên quan biết, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Cập nhật cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và nhận thông tin từ Tổng cục Lâm nghiệp về công tác phát triển rừng	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng
41	Triển khai Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0	Phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; đề xuất, định hướng các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Cục Bảo vệ thực vật triển khai
42	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai (theo dõi, quản lý, cập nhật thông tin các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói)	Sử dụng phần mềm để xây dựng và quản lý dữ liệu: Thu thập dữ liệu (hồ sơ, định vị GPS...); Xây dựng cơ sở dữ liệu, sử dụng phần mềm tương tự như Google Earth...	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật triển khai
43	Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)	Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quản lý, triển khai

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
44	Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	Tiếp tục sử dụng phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá, gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; Đẩy nhanh việc hình thành khu lâm nghiệp ứng dụng cao trên địa bàn tỉnh.	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm chạy trên ứng dụng ảnh vệ tinh miễn phí
45	Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản	Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về thông tin nuôi trồng thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai
46	Cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản;	Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về kết quả quan trắc, phân tích thông số môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai
47	Cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Cập nhật thông tin báo cáo, theo dõi, quản lý về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai
48	Hệ thống báo cáo dịch bệnh trực tuyến (VAHIS)	Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý thông tin về tình hình dịch bệnh động vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT)			2024	Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai
49	Thực hiện nhiệm vụ Duy trì, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy chủ CSDL TNMT năm 2024	Nhằm bảo đảm an toàn thông tin, vận hành hệ thống dữ liệu ngành được ổn định, thông suốt phục vụ công tác chuyên môn, đảm bảo nhiệm vụ duy trì, quản trị, vận hành thống hạ tầng kỹ thuật mạng, các cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành tài nguyên môi trường thường xuyên, ổn định	Trung tâm CNTT (Sở Tài nguyên và Môi trường)	507	Ngân sách địa phương	2024	Đang thực hiện, dự kiến hoàn thành tháng 12/2024

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
50	Thuê dịch vụ CNTT (hạ tầng trang thiết bị, phần mềm CSDL đất đai)	Công văn số 2693/UBND-NL ngày 08/10/2023 về đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Gia Lai	Trung tâm CNTT (Sở Tài nguyên và Môi trường)	11,000	Ngân sách địa phương	2024-2025	Đang thực hiện
51	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL địa chính tỉnh Gia Lai	Thực hiện CT 1474/CT-TTg của TTCP ngày 24/8/2011 và QĐ số 01/2018/QĐ-CT ngày 04/01/2018 của Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống thông tin đất đai quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường	19,500	Ngân sách địa phương	2018-2024	Hết hạn thời gian thực hiện dự án. Kết thúc và bàn giao sản phẩm cho các địa phương quản lý, khai thác. Lập thủ tục đầu tư mới để tiếp tục thực hiện (Bổ sung so với Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024)
52	Mua sắm thiết bị ứng dụng CNTT	-Đầu tư màn hình Led bổ sung cho phòng họp trực tuyến đã được đầu tư năm 2020 với kích thước lớn, tăng cường trải nghiệm giao tiếp và hiệu suất của cuộc họp. Đầu tư duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu theo Công văn Số: 552/STTTT-CNTT ngày 04/7/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông.	Sở Giao thông vận tải	226	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã phê duyệt dự toán và kế hoạch đấu thầu gói thầu mua sắm thiết bị và tổ chức đấu thầu theo quy định
53	Trang bị 25 máy tính bảng tại phòng họp	Phục vụ cho các cuộc họp của Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	0	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Chưa thực hiện, chuyển kinh phí sang năm 2025 thực hiện
54	Duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm sao lưu dữ liệu tại Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	Tăng cường bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	93.157	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
55	Nâng cấp Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Nâng cấp về tiêu chuẩn kỹ thuật, giao diện của Website đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo các quy định mới hiện nay của Bộ TT&TT	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	51	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
56	Xây dựng phòng họp trực tuyến tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Phục vụ các cuộc họp trực tuyến, hội nghị trực tuyến, cuộc thi trực tuyến nội bộ trong hệ thống Hội từ Trung ương Hội đến cơ sở Hội; tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	494	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã hoàn thành
57	Nâng cấp máy chủ, duy trì bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa và phần mềm sao lưu dữ liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Đầu tư thay thế máy chủ cũ hiện nay không có linh kiện, thiết bị để thay thế nâng cấp, trở nên kém hiệu suất; Đầu tư hệ thống chống sét lan truyền giúp bảo vệ các thiết bị điện tử. - Đầu tư duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	526	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đang triển khai
58	Trang bị phần mềm tuyển sinh đầu cấp cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh	Phục vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 664/QĐ-UBND, ngày 01/11/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	2,400	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Đã đấu thầu thuê Hệ thống phần mềm tuyển sinh đầu cấp cho 419 trường học đăng ký sử dụng từ năm 2004-2007
59	Thuê phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử cho 220 đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh (12 tháng)	Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực y tế năm 2023 theo Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh	Sở Y tế	1,597	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2024	Không thực hiện, vì các vướng mắc liên quan các quy định về thẩm quyền phê duyệt. Sở Y tế đang tiến hành các thủ tục điều chuyển nguồn vốn sang thực hiện các nhiệm vụ khác của ngành

[illegible]

PHU LỤC 04:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(CỦA CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024	Nhằm đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố; Xây dựng phương án đối phó, ứng cứu đối với một số tình huống sự cố cụ thể cho cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên hằng năm	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	1,171.100	
2	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong các hoạt động đánh giá, kiểm tra, học tập và triển khai các nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên hằng năm	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	66.886	
3	Nâng cấp Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0	Lập Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	600	
4	Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai	Quản lý các kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để phục vụ công dân, doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Sở TT&TT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2024-2026	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2,211.495	
5	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử - chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Thiết lập Kho dữ liệu số dùng chung và Nền tảng phân tích dữ liệu tỉnh Gia Lai; Cổng dữ liệu mở; Cổng thông tin Chuyển đổi số và Hệ thống Đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số DTI; Trung tâm dữ liệu điện toán đám mây và các dịch vụ liên quan; Giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung	Sở TT&TT	Nhiệm vụ mới	2025-2027	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	28,657.730	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
6	Thuê Dịch vụ Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai	Cung cấp thông tin thiết yếu và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2,247.260	
7	Chi phí quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống thông tin của tỉnh	Duy trì hoạt động 24/7 của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	1,726.903	
8	Mua sắm thiết bị và gia hạn license cho các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Duy trì hoạt động của các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	4,283.026	
9	Thuê dịch vụ bảo trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Gia Lai	Đảm bảo hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai được vận hành thường xuyên, liên tục	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	480	
10	Chi phí duy trì nhiệm vụ: Thuê đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối hệ thống mạng WAN trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Đảm bảo các hệ thống thông tin sử dụng qua hệ thống mạng WAN được hoạt động liên tục, không bị gián đoạn	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2,481.8	
11	Duy trì dịch vụ phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DdoS) (Thời hạn 1 năm)	Giám sát, phát hiện và cảnh báo tấn công; Giám sát và phân tích lưu lượng dịch vụ; Tùy chỉnh IP chặn DDoS nhiều tầng (Layer) (L3, L4, L7); Điều hướng làm sạch lưu lượng tấn công	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	125.4	
12	Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi IPv6 cho hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai	Chuyển đổi sang IPv6 cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đang vận hành tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở TT&TT	Nhiệm vụ mới	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2,297.875	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
13	Duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu cho hệ thống máy chủ của Ban Dân tộc năm 2025	Tiếp tục duy trì bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus cho máy chủ và máy trạm, phần mềm sao lưu dữ liệu cho các máy chủ để hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Ban Dân tộc	Duy trì	2025	Ngân sách tỉnh	380	
14	Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trên thiết bị di động phục vụ chính sách dân tộc	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Nhiệm vụ mới	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2,253	
15	Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 10 về Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	Ngân sách Trung ương	700	
16	Duy trì dịch vụ phát hành hóa đơn, biên lai điện tử	Thu phí thực hiện các thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện	Sở Giao thông Vận tải	Nhiệm vụ thường xuyên	2025	Ngân sách tỉnh	250	
17	Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ nhân sự đầy đủ, chính xác và cung cấp các chức năng quản lý cán bộ, công chức, viên chức một cách hiệu quả, đáp ứng tình hình quản lý cán bộ trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Năm 2025			
18	Mua sắm thiết bị tường lửa, gia hạn phần mềm diệt virus, gia hạn license cho các thiết bị thuộc hệ thống của Sở	Duy trì hoạt động của các thiết bị thuộc hệ thống của Sở luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Sở Nội vụ	Dự án mới	Năm 2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	323.901	
19	Thuê máy chủ vận hành hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Đảm bảo hạ tầng CNTT; an toàn thông tin mạng	Sở Ngoại vụ	Nhiệm vụ thường xuyên	2025	Ngân sách nhà nước	48	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
20	Mua sắm thiết bị tường lửa, phần mềm diệt virus	Đảm bảo hạ tầng CNTT; an toàn thông tin mạng	Sở Ngoại vụ	Nhiệm vụ thường xuyên	2025	Ngân sách nhà nước	242	
21	Thuê đường truyền Mạng số liệu chuyên dùng (WAN)	Đảm bảo hạ tầng CNTT; an toàn thông tin mạng	Sở Ngoại vụ	Nhiệm vụ thường xuyên	2025	Ngân sách nhà nước	46	
22	Thuê hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Gia Lai	Ứng dụng CNTT phục vụ việc triển khai báo cáo theo các biểu mẫu báo cáo được tỉnh quy định thông qua môi trường mạng, áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên hằng năm	2024 - 2026	Ngân sách tỉnh	1,519.421	
23	Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin tổng thể. Trang bị phần mềm chống virus	Đảm bảo an toàn thông tin mạng	Sở Tài chính	Định kỳ 2 năm 1 lần	2025	Ngân sách tỉnh	144	
24	Lắp đặt màn hình led tại hội trường Sở Tài chính	Phục vụ hội nghị, họp	Sở Tài chính	Trang bị mới	2025	Ngân sách tỉnh	277	
25	Nâng cấp Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Gia Lai theo Luật Giá số 16/2023/QH15	Luật Giá 2023 được ban hành chính thức có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2024. Do đó, cần được nâng cấp phần mềm để đáp ứng các quy định mới	Sở Tài chính	Nhiệm vụ thường xuyên	2025	Ngân sách tỉnh	893	
26	Mua thiết bị tường lửa và phần mềm bản quyền thiết bị tường lửa; Trang bị phần mềm diệt virus	Đảm bảo an toàn thông tin mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Nâng cấp, duy trì	2025	Ngân sách tỉnh	392	
27	Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin tổng thể	Đảm bảo an toàn thông tin mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Định kỳ 2 năm 1 lần	2025	Ngân sách tỉnh	132	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
28	Nội dung thuê hạ tầng thông tin phục vụ công thông tin Xúc tiến đầu tư	Nhằm phục vụ cho việc quản lý, điều hành Cổng thông tin xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/5/2024 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Giao quyền quản lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác xúc tiến đầu tư đặc thù và khai thác hiệu quả cho các nhà đầu tư đầu tư vào tỉnh Gia Lai” do Trường Đại học Tôn Đức Thắng chủ trì thực hiện và TS. Dương Thị Thùy Vân làm chủ nhiệm nhiệm vụ	Trung Tâm Xúc tiến đầu tư (Sở KH&ĐT)	Thường xuyên hằng năm	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	110	
29	Thuê máy chủ ảo để cài đặt hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành Thanh tra tỉnh Gia Lai (1 năm)	Duy trì hoạt động của hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành Thanh tra tỉnh Gia Lai	Thanh tra tỉnh	Duy trì, thường xuyên	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	66	
30	Kiểm tra, đánh giá hệ thống thông tin	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin thuộc sở, đảm bảo hệ thống tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn; đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống	Sở Công Thương	Nhiệm vụ mới	Năm 2025	Ngân sách tỉnh	51.9	
31	Mua thiết bị tường lửa và bản quyền phần mềm (thời hạn 3 năm) cho Thiết bị tường lửa Sophos XGS 2100	Đảm bảo an toàn thông tin	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	2025	Ngân sách tỉnh	282	
32	Bản quyền phần mềm Kaspersky Next EDR Foundations - Bản quyền 3 năm:	Đảm bảo an toàn thông tin	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	2025	Ngân sách tỉnh	136	
33	Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin tổng thể	Đảm bảo an toàn thông tin	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	2025	Ngân sách tỉnh	145	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
34	Chi thuê máy chủ để chạy Hệ thống QLVBĐH, thiết bị lưu trữ dữ liệu	Phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	2025	Ngân sách tỉnh	96	
35	Mua thiết bị tường lửa và bản quyền phần mềm (thời hạn 3 năm) cho Thiết bị tường lửa Sophos XGS 2100; gia hạn bản quyền phần mềm diệt virus	Đảm bảo an toàn thông tin	Sở Xây dựng	Nhiệm vụ mới	2025	Ngân sách tỉnh	280.182	
36	Mua thiết bị tường lửa và bản quyền phần mềm (thời hạn 3 năm) cho Thiết bị tường lửa Sophos XGS 2100; gia hạn bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu	Đảm bảo an toàn thông tin	Sở Y tế	Nhiệm vụ mới	2025	Ngân sách tỉnh	332.84	
37	Triển khai Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0	Phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; đề xuất, định hướng các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			
38	Ứng dụng phần mềm quản lý MSVT-CSĐG (https://msvt-csdg.ppd.gov.vn/Dashboard/Default)	- Phục vụ cho công tác quản lý cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói xuất khẩu. - Truy xuất nguồn gốc sản phẩm xuất khẩu. - Theo dõi nhật ký sản xuất, nhật ký sử dụng hóa chất, nhật ký theo dõi sinh vật gây hại	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
39	Ứng dụng phần mềm bảo vệ thực vật (https://csdl.ppd.gov.vn/)	Cơ sở dữ liệu bảo vệ thực vật: Tình hình gây hại của dịch hại, diện tích nhiễm dịch hại, biện pháp phòng trừ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			
40	Ứng dụng cơ sở dữ liệu phân bón quốc gia (http://113.190.254.147/PhanBon/en)	Phục vụ trong công tác quản lý phân bón	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			
41	Triển khai sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất	Giúp các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lâm nghiệp ở địa phương tham khảo thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng,... đúng mùa vụ; chủ động các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của thời tiết, sâu bệnh hại. Phổ biến tới các tổ chức, cá nhân liên quan biết, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Cập nhật cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và nhận thông tin từ Tổng cục Lâm nghiệp về công tác phát triển rừng	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			
42	Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)	Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)		Thường xuyên	2025			
43	Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	Tiếp tục sử dụng phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá, gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; Đẩy nhanh việc hình thành khu lâm nghiệp ứng dụng cao trên địa bàn tỉnh.						

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
44	Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản	Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về thông tin nuôi trồng thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			
45	Cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản;	Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về kết quả quan trắc, phân tích thông số môi trường trong nuôi trồng thủy sản		Thường xuyên	2025			
46	Cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Cập nhật thông tin báo cáo, theo dõi, quản lý về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	2025			
47	Hệ thống báo cáo dịch bệnh trực tuyến (VAHIS)	Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý thông tin về tình hình dịch bệnh động vật		Thường xuyên	2025			
48	Thực hiện nhiệm vụ duy trì, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy chủ CSDL TNMT năm 2025	Nhằm bảo đảm an toàn thông tin, vận hành hệ thống dữ liệu ngành được ổn định, thông suốt phục vụ công tác chuyên môn, đảm bảo nhiệm vụ duy trì, quản trị, vận hành thống hạ tầng kỹ thuật mạng, các cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành tài nguyên môi trường thường xuyên, ổn định. Để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường, hệ thống vận hành liên tục, đáp ứng khả năng tích hợp, liên thông với một số các hệ thống khác như tỉnh, Trung ương	Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm CNTT)	Thường xuyên hàng năm	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	986	
49	Kinh phí quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai	Thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP về công tác quản lý CNTT; Nghị quyết số 01/2018/NQ-CP về việc tăng cường tiến độ xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Công văn số 2693/UBND-NL ngày 08/10/2023 về đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Gia Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai)	Thường xuyên hàng năm	2025	Nguồn thu phí		

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
50	Thuê dịch vụ CNTT (hạ tầng trang thiết bị, phần mềm CSDL đất đai)	Công văn số 2693/UBND-NL ngày 08/10/2023 về đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Gia Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thường xuyên	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	11,000	
51	Tiếp tục thu thập, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Hoàn thành việc xây dựng CSDL đất đai trong năm 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thường xuyên	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	20,000	
52	Vận hành hệ thống “Giám sát trật tự an toàn xã hội”	Duy trì hoạt động Hệ thống giám sát Trật tự an toàn xã hội đầu tư qua 02 giai đoạn 2022 - 2023 và 2024 -2025 gồm: 46 camera, 01 hệ thống trung tâm điều khiển và giám sát tại Công an tỉnh, 01 hệ thống trung tâm giám sát tại Công an thành phố Pleiku	Công an tỉnh	Duy trì, thường xuyên	2026	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	2,199.72	
53	Nâng cấp, mở rộng hệ thống kiểm soát an ninh tại Quảng trường Đại Đoàn Kết thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai	Nhằm hiện đại hóa công tác tuần tra, kiểm soát an ninh, hỗ trợ lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo theo dõi diễn biến, phát hiện, ngăn chặn và xử lý mọi hoạt động tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật; truy vết các đối tượng vào khu vực bên trong mục tiêu bảo vệ Quảng trường Đại Đoàn Kết được quy định tại Nghị định 39/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan; phục vụ giám sát liên tục ngày đêm người, thiết bị và xe đi qua Quảng trường góp phần bảo vệ an ninh, an toàn khu vực Quảng trường, công viên cũng như phòng chống tội phạm; ghi lại các hình ảnh, truyền tín hiệu camera được thiết lập trên môi trường mạng nội bộ phục vụ công tác giám sát.	Công an tỉnh	Duy trì, thường xuyên	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	6,200	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
54	Triển khai “Xây dựng phần mềm đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh lực lượng sẵn sàng nhập ngũ tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai được triển khai thực hiện tại tất cả các đơn vị Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, xã trên địa bàn Tỉnh.Trang bị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành phần mềm quản lý lực lượng sẵn sàng nhập ngũ tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Nhiệm vụ mới	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	9,800	
55	Lắp đặt phần cứng,cài đặt phần mềm, phân thiết bị tường lửa, cài tạo và nâng cấp hệ thống mạng LAN trụ sở	Ngăn ngừa virus xâm nhập	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Duy trì	2025	Ngân sách tỉnh	183	
56	Thuê máy chủ phần mềm quản lý đối tượng BTXH hộ nghèo, hộ cận nghèo, và phần mềm quản lý nguồn nhân lực (03 phần mềm x 70tr/ PM)	Đáp ứng nhu cầu của công việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Duy trì	2025	Ngân sách tỉnh	231	
57	Phát triển Thương mại điện tử	Phát triển Thương mại điện tử, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	Nhiệm vụ thường xuyên	Năm 2025	Ngân sách tỉnh	1,512	
58	Kinh phí cho Thương mại điện tử Quốc gia		Sở Công Thương	Nhiệm vụ thường xuyên	Năm 2025	Ngân sách Trung ương	892	
						Ngân sách tỉnh	383	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
59	Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong Xúc tiến thương mại	Đẩy mạnh Xúc tiến thương mại số, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	Nhiệm vụ thường xuyên	Năm 2025	Ngân sách tỉnh	200	
60	Triển khai phần mềm hợp không giấy tờ trong phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh	Phục vụ cho các cuộc họp của Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Nhiệm vụ mới	2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	601	
61	Mua sắm trang thiết bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ	Mua sắm trang thiết bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ.	Công an tỉnh	Nhiệm vụ mới	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	7,879	
62	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá hệ thống di sản văn hoá	Bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích và phát huy giá trị di tích lịch sử phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát triển cộng đồng cư dân nơi có di tích, đặc biệt là góp phần thúc đẩy phát triển, quảng bá du lịch của địa phương ra bên ngoài. Giúp các cấp quản lý nhanh chóng nắm bắt được các dữ liệu về di tích hỗ trợ quá trình đưa ra các chính sách, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích hiệu quả nhất.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ mới	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	950	
63	Kinh phí thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của Báo Gia Lai	Triển khai theo Thông báo số 905-TB/TU ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số Báo Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Báo Gia Lai	Nhiệm vụ mới	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	3,756	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2025 (Triệu đồng)	Ghi chú
64	Xây dựng “Phần mềm thống kê thiệt hại thiên tai, số hóa kế hoạch phòng chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai”	Thiết lập hoàn chỉnh công cụ tổng hợp số liệu thiệt hại, báo cáo tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra áp dụng từ cấp tỉnh đến cấp xã. Thiết lập hoàn chỉnh hệ thống số hóa, quản lý các kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp của các công trình thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh và thiết lập cơ sở dữ liệu ban đầu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của các cấp, nhất là Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp (cấp tỉnh đến cấp xã).	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nhiệm vụ mới	2025	Quỹ phòng chống thiên tai	2,000	
65	Hạ tầng Công nghệ thông tin hướng tới Bệnh án điện tử	Bệnh viện không sử dụng giấy tờ	Bệnh viện Nhi (Sở Y tế)	Nhiệm vụ mới	2025	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	10.475,622	
66	Thuê hệ thống phần mềm Quản lý bệnh viện HIS; Thuê hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh Y khoa PACS; Thuê hệ thống phần mềm Bệnh án điện tử EMR	Bệnh viện không sử dụng giấy tờ	Bệnh viện Nhi (Sở Y tế)	Nhiệm vụ mới	2025-2026	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	4.481,795	
67	Triển khai Bệnh án điện tử thay thế Bệnh án giấy tuân thủ quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BYT của Bộ Y tế tại Trung tâm y tế Thành phố Pleiku	Triển khai các phần mềm: - Phần mềm Khám chữa bệnh (HIS) Đáp ứng tối thiểu mức 6 các tiêu chí quy định tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT của Bộ Y tế. - Phần mềm quản lý xét nghiệm (LIS), Phần mềm quản lý hình ảnh và TDCN (RIS/PACS) đạt mức nâng cao - Phần mềm bệnh án điện tử (EMR) - Nhóm phần mềm quản lý điều hành đạt mức nâng cao - Ứng dụng Thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt	Trung tâm Y tế Thành phố Pleiku (Sở Y tế)	Nhiệm vụ mới	2025-2029	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	1,545	

[illegible]

PHỤ LỤC 05:**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Triển khai các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND thành phố Pleiku	Duy trì thường xuyên	2025	
2	Triển khai các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử thị xã An Khê	UBND thị xã An Khê	Duy trì thường xuyên	2025	
3	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương	UBND thị xã Ayun Pa	Duy trì thường xuyên	2025	
4	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Chư Păh	Duy trì thường xuyên	2025	
5	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương	UBND huyện Đak Pơ	Duy trì thường xuyên	2025	
6	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử	UBND huyện Đức Cơ	Duy trì thường xuyên	2025	
7	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Chư Sê	Duy trì thường xuyên	2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Ia Pa	Duy trì thường xuyên	2025	
9	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử	UBND huyện Kbang	Duy trì thường xuyên	2025	
10	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Kông Chro	Duy trì thường xuyên	2025	
11	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử	UBND huyện Mang Yang	Duy trì thường xuyên	2025	
12	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Krông Pa	Mở rộng; duy trì thường xuyên	2025	
13	Triển khai các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Ia Grai	Duy trì thường xuyên	2025	
14	Triển khai các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử	UBND huyện Phú Thiện	Duy trì thường xuyên	2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
15	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Chư Pưh	Duy trì thường xuyên	2025	

* **Ghi chú:** Đối với các nhiệm vụ, dự án do các địa phương chủ trì thực hiện, UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí từ ngân sách cấp huyện để thực hiện theo quy định.